

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2024
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Khánh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Khương và bà Võ Thị Kim Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Diện – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hoàng Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Phương L; Sinh năm 1999; Địa chỉ: Số 19/14 Đoàn Khuê, khu phố 2, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Q. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Quang N; Sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 16 Trần Phú, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2024, chị Trương Phương L trình bày:

Chị Trương Phương L và anh Lê Quang N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2022 tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Đ, tỉnh Q. Sau khi kết hôn, chị L và anh N cùng sống ở gia đình chồng tại địa chỉ Số 16 Trần Phú, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Q. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, được một thời gian vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Đến nay vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, nên chị Trương Phương L xin được ly hôn anh Lê Quang N.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Quang N đã nhận thông báo thụ lý vụ án về việc yêu cầu ly hôn của chị Trương Phương L. Tuy nhiên, anh N không có bản trình bày ý kiến.

Tại biên bản xác minh ngày 18/3/2024, ông Lê Quang K và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ anh N) trình bày ý kiến:

Anh Lê Quang N (con trai tôi) hiện đang ở cùng gia đình tôi tại số 16 Trần Phú, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Q. Anh Nghĩa và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Quá trình sống chung thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Gia đình tôi và anh N đã biết được yêu cầu ly hôn của chị L và không có ý kiến gì. Giữa anh N và chị L không có con chung và không yêu cầu giải quyết về phần tài sản. Đề nghị Tòa án giải theo quy định của pháp luật. Anh N đi làm tối mới về nhà chúng tôi nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ lần 1, lần 2, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh N (ông Lê Quang K và bà Nguyễn Thị L bố mẹ anh N nhận thay có cam đoan).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Phương L.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Phương L được ly hôn với anh Lê Quang N.

2. *Về án phí*: Chị Trương Phương L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền:

Ngày 29/01/2024, chị Trương Phương L có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Lê Quang Nghĩa; tại thời điểm này anh Nghĩa có nơi cư trú tại Số 16 Trần Phú, khu phố 6, phường 1, thành phố Đ, tỉnh Q. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về cấp tổng đạt văn bản tố tụng:

Trước và sau khi thụ lý vụ án, anh Lê Quang N có nơi cư trú tại Số 16, Trần Phú, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Q. Anh N đã biết thông tin về việc Tòa án thụ lý vụ án giải quyết tranh chấp ly hôn theo đơn khởi kiện của chị Trương Phương L nhưng anh N không có ý kiến gì. Gia đình anh Nghĩa trình bày anh N thường đi làm tới mới về nhà nên gia đình nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan đưa đến tay anh N. Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho gia đình anh N theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Quang N vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được; Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án, nhưng phiên tòa ngày 05/4/2024 anh Lê Quang N vắng mặt lần thứ nhất mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa được xét xử vào ngày 11/4/2024. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Lê Quang N.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Phương L và anh Lê Quang N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2022 tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Đ, tỉnh Q. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp. Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh N nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Phương L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, chị L và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy, hạnh phúc gia đình phải được 02 bên vun đắp, chia sẻ, quan tâm, chăm sóc nhau, tuy nhiên khi chị L và anh N tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hai người sống ở hai nơi, không quan tâm chăm sóc đến nhau dẫn đến đời sống hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Phương L để xem xét cho chị L được ly hôn đối với anh Lê Quang N.

[4]. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Trương Phương L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Phương L, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Phương L được ly hôn với anh Lê Quang N (*Giấy chứng nhận kết hôn số 149, QS 02 ngày 01/11/2022 của UBND Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị*).

2. Về án phí: Chị Trương Phương L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000178 ngày 29/01/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Q (chị L đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trương Phương L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, Bị đơn anh Lê Quang N có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.s

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND TP. Đ;
- Chi cục THADS TP. Đ;
- Đương sự;
- UBND Phường 1, tp Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tổ hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Khánh Phương